

Số: 331/2020/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 30 tháng 06 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA**

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 461/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Trần Việt A**, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: ngõ Q, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Chị **Nguyễn Bích N**, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nội dung vụ việc như sau:

Anh Trần Việt A và chị Nguyễn Bích N xác nhận: Anh chị kết hôn có tổ chức đám cưới vào tháng 5 năm 2011 trên cơ sở có tìm hiểu, lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội ngày 15/12/2011.

Anh Trần Việt A và chị Nguyễn Bích N tự nguyện đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Anh A và chị N có 01 con chung là cháu Trần Bảo L (nữ) sinh ngày 26/10/2011. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở: Anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh A và chị N không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: Anh A tự nguyện nộp cả 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Việt A và chị Nguyễn Bích N kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội thể hiện một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm không còn thể hiện đời sống chung không thể kéo dài. Anh Trần Việt A và chị Nguyễn Bích N cùng yêu cầu thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh A và chị N.

[2] Về con chung: Sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của Anh A và chị N là tự nguyện, phù hợp với điều kiện cuộc sống thực tế của các bên đương sự và phù hợp với các quy định pháp luật, nên Tòa án công nhận: giao cháu Trần Bảo L (nữ) sinh ngày 26/10/2011 cho Anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Việt A tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Việt A** và chị **Nguyễn Bích N**.

- Về con chung:

Giao cháu Trần Bảo L (nữ) sinh ngày 26/10/2011 cho Anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Trần Việt A nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo biên lai thu tiền số 0014442 ngày 19 tháng 06 năm 2020, nay chuyển thành lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- UBND phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thúy Quỳnh